

## Phụ lục số 28

### Nội dung Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

# BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ

(Năm 2015)

## A. Thông tin về quỹ:

a) Tên của quỹ: Quỹ Đầu Tư Năng Động Eastspring Investments Việt Nam ("ENF")

Loại hình quỹ: Quỹ mở

b) Mục tiêu đầu tư của Quỹ: là hướng đến việc gia tăng một cách ổn định và bền vững về vốn thông qua chiến lược đầu tư đa dạng hóa các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ. Với phương pháp phân bổ tài sản linh hoạt này, Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội gia tăng lợi nhuận khi thị trường tăng trưởng, đồng thời hạn chế rủi ro thất thoát vốn khi thị trường có những dấu hiệu không khả quan.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ: thời gian hoạt động không xác định

d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): không có

e) Chính sách phân chia lợi nhuận:

Lợi nhuận của Quỹ được phân phối theo quyết định của Công ty Quản lý Quỹ và không có bất kỳ đảm bảo nào rằng lợi nhuận sẽ được phân phối. Nếu lợi nhuận được phân phối thì việc phân phối lợi nhuận của đợt đó không được hiểu là dự báo, dấu hiệu, khả năng phân phối lợi nhuận hay nội dung tương tự của Quỹ trong tương lai. Việc phân phối lợi nhuận của một đợt cụ thể không hàm ý sẽ có đợt phân chia lợi nhuận tương tự sau đó. Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi tần suất và/hoặc mức lợi nhuận phân phối ít hơn so với số lợi tức của Quỹ.

Khi việc phân phối lợi nhuận Quỹ được tuyên bố và thực hiện, tài sản ròng của Quỹ sẽ được giảm đi bằng khối lượng tương ứng với số lượng Đơn vị còn lại và số lượng lợi nhuận được chia đều trên một Chứng chỉ Quỹ.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ chỉ được phân phối khi Quỹ đã hoàn tất hoặc đủ khả năng tài chính để hoàn tất các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác, và Quỹ đã lập các quỹ dự phòng. Sau khi phân phối lợi nhuận, Quỹ phải đủ khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ đến hạn.

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày 31/12/2015: 6.782.239,27 chứng chỉ quỹ.

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo: không có

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:

Trên cơ sở được sự đồng ý của Ban Đại diện quỹ và Ngân hàng Giám sát trong cuộc họp Ban Đại diện quỹ Quý IV-2014 tổ chức ngày 12/02/2015, Quỹ đã tiến hành Đại hội Nhà đầu tư thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bắt đầu từ giữa tháng 03/2015 và kết thúc vào ngày 17/04/2015, với kết quả là Đại hội nhà đầu tư đã chấp thuận thông qua nghị quyết đại hội với những nội dung chi tiết như sau:

- Thông qua báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam (“Quỹ ENF”) năm 2014 đã được Công ty TNHH KPMG – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh kiểm toán độc lập
- Thông qua báo cáo tình hình tài chính, tài sản và hoạt động của Quỹ ENF cho năm 2014 được lập bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments.
- Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH KPMG-Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là công ty kiểm toán độc lập cho Quỹ ENF trong năm tài chính 2015.
- Phê duyệt thù lao năm 2015 cho Ban Đại diện Quỹ gồm ba (3) thành viên là ông Đinh Bá Thành (Chủ tịch), ông Lê Văn Bé (Thành viên) và ông Đặng Thế Đức (Thành viên) là 05 triệu đồng/người/tháng.

Quỹ đã thực hiện đầy đủ việc báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và công bố thông tin về Đại hội nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở: Trong năm 2015, CTQLQ đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập các báo cáo định kỳ theo quy định cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, cung cấp cho Ngân hàng Giám sát (“NHGS”) đầy đủ các chứng từ liên quan đến các giao dịch tài sản mà Quỹ thực hiện.

## B. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ:

1. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất (nếu có), cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN</b>			
<b>1</b>	<b>Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8.620.095.944</b>	<b>3.524.983.912</b>
1.1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	111	562.718.055	3.524.983.912
1.2	Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	112	8.057.377.889	-
<b>2</b>	<b>Các khoản đầu tư thuần</b>	<b>120</b>	<b>72.301.227.200</b>	<b>67.734.096.900</b>
2.1	Các khoản đầu tư	121	72.301.227.200	67.734.096.900
<b>3</b>	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>1.188.939.435</b>	<b>3.165.113.222</b>
3.1	Phải thu về bán các khoản đầu tư	131	-	897.212.160
3.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	133	1.188.939.435	2.108.263.562

3.3	Các khoản phải thu khác	137	-	159.637.500
	<b>TỔNG TÀI SẢN</b> (100 = 110 + 120 + 130)	<b>100</b>	<b>82.110.262.579</b>	<b>74.424.194.034</b>
<b>II</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
2	Phải trả về mua các khoản đầu tư	312	-	2.986.432.940
3	Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ	313	628.000	-
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13.395	-
6	Chi phí phải trả	316	210.065.030	364.275.002
9	Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	319	121.251.265	106.847.672
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 312 + 313 + 314 + 316 + 319)	<b>300</b>	<b>331.957.690</b>	<b>3.457.555.614</b>
<b>III</b>	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ</b> (400 = 100 - 300)	<b>400</b>	<b>81.778.304.889</b>	<b>70.966.638.420</b>
<b>1</b>	<b>Vốn góp của Nhà đầu tư</b>	<b>411</b>	<b>67.822.392.700</b>	<b>66.743.655.800</b>
1.1	Vốn góp phát hành	412	84.397.029.000	83.084.260.300
1.2	Vốn góp mua lại	413	(16.574.636.300)	(16.340.604.500)
<b>2</b>	<b>Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư</b>	<b>414</b>	<b>151.496.041</b>	<b>5.820.595</b>
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>420</b>	<b>13.804.416.148</b>	<b>4.217.162.025</b>
<b>IV</b>	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b> (430 = 400 / 004)	<b>430</b>	<b>12.058</b>	<b>10.633</b>



<b>VI</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH</b>			
1	Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	004	6.782.239,27	6.674.365,58

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong năm: 12.233 đồng/CCQ

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong năm: 10.273 đồng/CCQ

**2. Thu nhập, doanh thu hoạt động đầu tư năm 2015:**

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND</b>	<b>Từ ngày 25/3/2014 đến ngày 31/12/2014 VND</b>
<b>I</b>	<b>THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>01</b>	<b>11.571.599.451</b>	<b>5.716.229.491</b>
1.1	Cổ tức được chia	02	2.385.812.500	920.149.400
1.2	Tiền lãi được nhận	03	2.045.519.021	1.923.192.108
1.3	Lãi bán các khoản đầu tư	04	1.775.393.775	1.287.303.448
1.4	Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư	05	5.364.874.155	1.585.584.205
1.5	Thu nhập khác	06	-	330

**3. Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo:**

Trong kỳ báo cáo Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

**4. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ (chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối quý IV của năm tài chính):**

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2015</b>	<b>Từ ngày 25/3/2014 đến ngày 31/12/2014</b>
<b>I</b>	<b>Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đầu tư</b>		
	<i>Tỷ lệ chi phí hoạt động</i>		

STT	Chỉ tiêu	Năm kết thúc ngày 31/12/2015	Từ ngày 25/3/2014 đến ngày 31/12/2014
1	Phí quản lý Quỹ / NAV trung bình trong năm/kỳ của Quỹ (%)	1,50%	1,51%
2	Phí dịch vụ lưu ký và giám sát Quỹ / NAV trung bình trong năm/kỳ của Quỹ (%)	0,13%	0,16%
3	Phí dịch vụ quản trị Quỹ, phí đại lý chuyển nhượng và các phí khác / NAV trung bình trong năm/kỳ của Quỹ (%)	0,15%	0,10%
4	Chi phí kiểm toán / NAV trung bình trong năm/kỳ của Quỹ (%)	0,42%	0,62%
5	Thù lao Ban Đại diện Quỹ / NAV trung bình trong năm/kỳ của Quỹ (%)	0,24%	0,26%
6	Chi phí hoạt động / NAV trung bình trong năm/kỳ của Quỹ (%)	2,61%	2,65%

5. Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục (chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối quý IV của năm tài chính):

STT	Chỉ tiêu	Năm kết thúc ngày 31/12/2015	Từ ngày 25/3/2014 đến ngày 31/12/2014
<b>I</b>	<b>Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đầu tư</b>		
	<i>Tốc độ vòng quay danh mục</i>		
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong năm/kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra) / {2 x NAV trung bình trong năm/kỳ của Quỹ}	52,25%	103,07%

6. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định: (i) trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm); (ii) trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày

lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 3 năm);  
 (iii) trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ  
 tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 5 năm):

Chỉ tiêu	Năm kết thúc ngày 31/12/2015	Từ ngày 25/3/2014 đến ngày 31/12/2014
Lợi nhuận bình quân năm	9.587.254.123	4.217.162.025
Tỷ suất lợi nhuận bình quân năm (*)	12,6%	6,3%

(\*) Tỷ suất lợi nhuận bình quân năm = Lợi nhuận bình quân năm/Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm

#### 7. Các chỉ tiêu so sánh khác:

STT	Chỉ tiêu	Năm kết thúc ngày 31/12/2015	Từ ngày 25/3/2014 đến ngày 31/12/2014
<b>II</b>	<b>Các chỉ tiêu khác</b>		
<b>1</b>	<b>Quy mô Quỹ đầu năm/kỳ (tính theo mệnh giá chứng chỉ quỹ)</b>		
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ lưu hành đầu năm/kỳ	6.674.365,58	-
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ lưu hành đầu năm/kỳ	66.743.655.800	-
<b>2</b>	<b>Thay đổi quy mô Quỹ trong năm/kỳ (tính theo mệnh giá chứng chỉ quỹ)</b>		
	Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành trong năm/kỳ	131.276,87	8.308.426,03
	Giá trị vốn góp phát hành trong năm/kỳ (theo mệnh giá)	1.312.768.700	83.084.260.300
	Số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong năm/kỳ	(23.403,18)	(1.634.060,45)
	Giá trị vốn góp mua lại trong năm/kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá)	(234.031.800)	(16.340.604.500)

STT	Chỉ tiêu	Năm kết thúc ngày 31/12/2015	Từ ngày 25/3/2014 đến ngày 31/12/2014
<b>3</b>	<b>Quy mô Quỹ cuối năm/kỳ (tính theo mệnh giá chứng chỉ quỹ)</b>		
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối năm/kỳ	6.782.239,27	6.674.365,58
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối năm/kỳ	67.822.392.700	66.743.655.800
<b>4</b>	<b>Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Công ty Quản lý Quỹ và các bên có liên quan cuối năm/kỳ</b>	<b>95,4981%</b>	<b>96,3309%</b>
<b>5</b>	<b>Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối năm/kỳ</b>	<b>98,30%</b>	<b>97,97%</b>
<b>6</b>	<b>Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối năm/kỳ</b>	<b>78,44%</b>	<b>79,43%</b>
<b>7</b>	<b>Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối năm/kỳ</b>	<b>115</b>	<b>119</b>
<b>8</b>	<b>NAV/chứng chỉ quỹ cuối năm/kỳ</b>	<b>12.058</b>	<b>10.633</b>

*Khuyến cáo: các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư*

### **C. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ:**

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có): Không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ):

Kết thúc năm 2015, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ của Quỹ Đầu tư Năng Động Eastspring Investments Việt Nam (“Quỹ ENF”) đạt 12.058 VNĐ, tăng 13,4% từ mức 10.633 VNĐ. Giá trị tài sản ròng của Quỹ đạt 81,8 tỷ VNĐ. Đây là kết quả tương đối khả quan nếu so sánh với mức lợi nhuận chung của thị trường vốn trong năm vừa qua.

Như vậy, kể từ khi thành lập vào tháng 3/2014, Quỹ ENF đã tăng trưởng 20,6% về giá trị, tương ứng với mức tỷ suất lợi nhuận 11,3%/năm

Quỹ ENF có chiến lược đầu tư vào danh mục đa tài sản, bao gồm Trái phiếu và Cổ phiếu. Kết quả hoạt động khả quan của Quỹ có sự đóng góp lớn từ danh mục Cổ phiếu. Trong năm vừa qua, danh mục Cổ phiếu của Quỹ đã mang lại mức tỷ suất lợi nhuận gộp là 25,3%, vượt trội so với mức tăng trưởng một con số của chỉ số VNIndex là 6,1% (không bao gồm cổ tức). Kết thúc năm 2015, chỉ số VNIndex đạt 579 điểm, tăng so với mức 545,6 điểm hồi đầu năm. Danh mục Trái phiếu và Tiền mang lại mức tỷ suất lợi nhuận gộp 4,6% trong năm, đóng vai trò bảo vệ giá trị tài sản của Quỹ trong những lúc thị trường Cổ phiếu suy giảm.

Kết quả đầu tư khả quan của Quỹ trong năm 2015 là do chiến lược lựa chọn tài sản đầu tư hiệu quả của Ban Điều hành Quỹ, cùng với sự đồng hành của Ban Đại diện Quỹ.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bảng đồ thị): Quỹ không có danh mục tham chiếu nên không trình bày phần này.

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bảng đồ thị): Quỹ không có danh mục tham chiếu nên không trình bày phần này.

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

Kể từ khi Quỹ thành lập, Quỹ đã kiên định với chiến lược đầu tư ban đầu được đề ra, đó là “phân bổ tài sản hợp lý” và “chọn lựa Tài sản Mục tiêu”. Về danh mục Cổ phiếu, với nhận định thị trường Cổ phiếu là kênh đầu tư hiệu quả, Quỹ đã tăng dần tỷ trọng nắm giữ Cổ phiếu, từ mức 55% tại thời điểm đầu năm lên mức xoay quanh 71% tổng giá trị tài sản Quỹ tại thời điểm hiện tại. Chiến lược chọn lọc Cổ phiếu đầu tư của Quỹ là các công ty có mô hình kinh doanh vững chắc, có lợi thế kinh doanh trong lĩnh vực, ngành nghề đang hoạt động, có triển vọng tăng trưởng bền vững, và tập trung vào ngành nghề kinh doanh cốt lõi.

Về phương diện chọn lựa Cổ phiếu theo nhóm ngành, Ban Điều hành Quỹ giữ tỷ trọng đầu tư cao ở những ngành có triển vọng phát triển bền vững, như ngành Thông tin – Viễn thông (Cty CP FPT – FPT), Vật liệu Công nghiệp (Cty CP Nhựa Bình Minh – BMP), Xây dựng Hạ tầng (Cty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM - CII), Dịch vụ Cảng biển (Cty CP Tập đoàn Container Việt Nam - VSC), vv... Giá Cổ phiếu các công ty này trong năm qua đã tăng trưởng khá cao, điển hình là Cổ phiếu BMP và VSC với mức tăng gần 90%, Cổ phiếu FPT và CII tăng 20%-22%

Về danh mục Trái phiếu và Tiền, trong năm qua Quỹ đã giảm dần tỷ trọng nắm giữ Trái phiếu, từ mức 41,7% tại thời điểm đầu năm xuống mức 28,8% tổng giá trị Quỹ. Hiện tại Quỹ đang nắm giữ Trái phiếu Chính phủ kì hạn 13 năm với nhận định lợi suất trái phiếu kì hạn dài ổn định hơn kì hạn ngắn.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:



Trong năm 2015, Quỹ đã tăng dần tỷ trọng nắm giữ Cổ phiếu, từ mức 58,3% tại thời điểm đầu năm lên mức xoay quanh 71% tổng giá trị tài sản Quỹ tại thời điểm hiện tại. Trong khi đó, Quỹ đã giảm dần tỷ trọng nắm giữ Trái phiếu và Tiền, từ mức 41,7% tại thời điểm đầu năm xuống mức 28,8% tại thời điểm cuối năm 2015.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất: Không có khác biệt so với phần thuyết minh tại mục b của phần C này, vì trong kỳ báo cáo Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap)...; Xem chi tiết các phần trình bày trong phần thuyết minh tại mục b, e của phần C này

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): Không có

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Tại ngày 31/12/2015, tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan là 95,4981%.

m) Các thông tin khác (nếu có).

## **D. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát :**

### **1. Báo cáo về việc giám sát hoạt động quản lý Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ (“CTQLQ”) đối với Quỹ ENF**

- Đối với hoạt động quản lý Quỹ ENF trong năm 2015, CTQLQ đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập các báo cáo định kỳ theo quy định cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, cung cấp cho Ngân hàng Giám sát (“NHGS”) đầy đủ các chứng từ liên quan đến các giao dịch tài sản mà Quỹ thực hiện.
- Trong quá trình thực hiện các quyền và nghĩa vụ của NHGS đối với Quỹ ENF trong năm 2015, NHGS ghi nhận một số vấn đề như sau:

#### **2.1) Về việc họp Ban Đại Diện (“BDD”) Quỹ:**

Trong năm, CTQLQ đã tổ chức các cuộc họp BDD Quỹ hàng quý theo quy định tại Điều lệ Quỹ, gồm các nội dung sau:

- Ngày 29/05/2015, cuộc họp BDD Quỹ Quý 1/2015 đã thảo luận: (1) kết quả hoạt động của Quỹ đến tháng 4/2015, (2) tình hình thị trường chứng khoán, kinh tế vĩ mô và chiến lược đầu tư của Quỹ.
- Ngày 24/09/2015, cuộc họp BDD Quỹ Quý 2/2015 đã thảo luận: (1) hoạt động của Quỹ ENF trong Quý 2/2015; (2) triển vọng thị trường và chiến lược đầu tư của Quỹ ENF trong thời gian sắp tới; (3) hoạt động kiểm soát tuân thủ nội bộ trong Quý 2/2015 và (4) phê duyệt các sửa đổi, bổ sung trong sổ tay định giá của Quỹ ENF, có hiệu lực từ ngày 24/09/2015.
- Ngày 04/12/2015, cuộc họp BDD Quỹ Quý 3/2015 đã thảo luận: (1) hoạt động của Quỹ ENF trong Quý 3/2015; (2) triển vọng thị trường và chiến lược đầu tư của Quỹ ENF trong thời gian sắp tới; (3) hoạt động kiểm soát tuân thủ nội bộ trong Quý 3/2015.
- Ngày 17/03/2016, cuộc họp BDD Quỹ Quý 4/2015 đã thảo luận: (1) những vấn đề phát sinh từ cuộc họp Quý 3/2015; (2) hoạt động của Quỹ ENF trong Quý 4/2015 của Quỹ ENF; (3) triển vọng thị trường và chiến lược đầu tư của Quỹ ENF trong thời gian sắp tới; (4) hoạt động kiểm soát tuân thủ nội bộ Quý 4/2015; (5) phê duyệt các sửa đổi, bổ sung trong sổ tay định giá của Quỹ ENF, có hiệu lực từ ngày 17/03/2016; (6) kế hoạch tổ chức Đại hội nhà đầu tư thường niên năm 2015 của Quỹ ENF bằng văn bản.

## **2.2) Về việc thay đổi Bản Cáo Bạch của Quỹ ENF:**

Trong tháng 7/2015, CTQLQ đã nộp cho Ủy Ban Chứng Khoán Bản Cáo Bạch cập nhật năm 2015 của Quỹ ENF. Một trong những thay đổi được đề cập trong Bản Cáo Bạch này là trong trường hợp Ngày Giao dịch của Quỹ là ngày lễ thì việc xác định Giá trị Tài Sản Ròng ("GTTSR") của Quỹ sẽ không được thực hiện trong kỳ giao dịch đó. Theo đó, CTQLQ sẽ không thực hiện công bố thông tin định kỳ về việc thay đổi GTTSR của Quỹ ENF tại tuần đó theo như quy định tại Điều 105 của Luật số 70/2006/QH11.

## **2. Báo cáo về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát**

Với tư cách là NHGS của Quỹ ENF, Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ trong việc cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán và giám sát đối với Quỹ, thể hiện trên một số nội dung chính như sau:

- Thực hiện việc cầm giữ và lưu ký các tài sản của Quỹ an toàn, lưu ký các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết của Quỹ, đồng thời duy trì các sổ sách thể hiện rõ tài sản của Quỹ là thuộc sở hữu của Quỹ và tách bạch với các tài sản khác;

- Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chỉ thị hợp pháp của CTQLQ đối với các giao dịch của Quỹ;
- Thực hiện kiểm tra và xác nhận đối với các báo cáo liên quan tài sản của Quỹ do CTQLQ lập theo các cách thức chính xác và chuyên nghiệp, đồng thời thực hiện chế độ báo cáo cho các cơ quan quản lý theo đúng quy định của pháp luật;
- Giám sát tính tuân thủ pháp luật và Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ của CTQLQ với sự cẩn trọng và chuyên nghiệp;
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ, Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ.

### E. Báo cáo về hoạt động ủy quyền :

- Tổng Chi phí hoạt động năm 2015: **1.877.981.377 VNĐ**
- Các dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam). Chi tiết chi phí dịch vụ ủy quyền như sau:

Chỉ tiêu	Chi phí hoạt động (VNĐ)	%/Chi phí hoạt động
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	29.281.825	1,6%
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	85.741.448	4,6%

Các hoạt động ủy quyền này không ảnh hưởng đến lợi nhuận và mức độ rủi ro của Quỹ.

Theo ghi nhận của Công ty quản lý quỹ. bên nhận ủy quyền đáp ứng được yêu cầu về khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ. quản trị rủi ro. tính bảo mật. hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật. hệ thống dự phòng nóng. hệ thống dự phòng thảm họa... bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

**Tổng Giám đốc Công ty quản lý quỹ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Tuan Then An  
Tổng Giám Đốc